

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/7/2021

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H-TỈNH H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hiền - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thời và ông Nguyễn Minh Tân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 215/2021/TLST-HNGĐ ngày 17/5/2021 về tranh chấp ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1960; địa chỉ: Số nhà 35/218 khu 4 phường Th ,thành phố H, tỉnh H (có mặt).

- Bị đơn: Bà Lương Thị H, sinh năm 1966; địa chỉ: Số nhà 48/218 khu 4 phường Th ,thành phố H, tỉnh H (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình hòa giải, nguyên đơn ông Hoàng Văn T trình bày: Trước đây, ông đã kết hôn với bà Trần Thị Hán; sau khi bà Hán qua đời, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện ông và bà Lương Thị H kết hôn và được UBND phường Th, thành phố H, tỉnh H cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/5/2000. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do nảy sinh nhiều quan điểm bất đồng do điều kiện kinh tế gặp nhiều khó khăn, vợ chồng không tin tưởng nhau, bà H có nhiều điều nghi kỵ ông T không chung thủy từ đó có những lời nói, cử chỉ hành động không đúng mực. Cuộc sống cứ như vậy kéo dài mà cả hai bên không tìm được biện pháp cải thiện, trong quá trình chung sống cũng đã nhiều lần bà H rời khỏi gia đình nhưng sau khi ông khuyên bảo thì quay trở lại chung sống, tuy nhiên không có sự thay đổi. Mâu thuẫn trở lên đỉnh điểm là vào cuối năm 2020, sau khi con trai ông lấy vợ và chung sống cùng gia đình thì bà H ngoài việc mâu thuẫn với ông còn xảy ra mâu thuẫn với con trai

riêng của ông cũng như con dâu, đặc biệt có sự nghi kị ông T có quan hệ bất chính với con dâu nên không khí trong gia đình luôn căng thẳng. Bà H có những lời nói và hành động không đúng mực làm tổn thương đến tình cảm giữa các thành viên trong gia đình. Từ đầu năm 2021, bà H đã thuê nhà ở riêng; do ông T nhận thấy vợ chồng không thể cải thiện được tình trạng mâu thuẫn nên ông cũng không tìm bà H về đoàn tụ cùng gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà H.

Về con chung: Ông T xác định vợ chồng không có con chung nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Ông T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn bà Lương Thị H trình bày: Bà và ông Hoàng Văn T kết hôn là tự nguyện, có đăng ký và được UBND phường Th, thành phố H, tỉnh H cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/5/2000. Bà H xác định về tình trạng và thời gian mâu thuẫn như ông T trình bày là đúng. Nguyên nhân chính vợ chồng mâu thuẫn là do ông T thường bênh vực con dâu mỗi khi bà thể hiện thái độ chỉ bảo, dẫn tới giữa bà và con ông T không có sự hòa hợp. Cuộc sống cứ như vậy diễn ra mà không cải thiện được tình trạng mâu thuẫn giữa các thành viên trong gia đình, mặt khác do vợ chồng chung sống nhiều năm nhưng không có con chung dẫn tới vợ chồng lạnh nhạt về tình cảm. Từ đầu năm 2021, do mâu thuẫn giữa bà và các con của ông T nên ông T đuổi bà ra khỏi nhà nên bà phải đi thuê nhà ở riêng. Bà H xác định, bản thân bà cũng có nhiều lời nói và hành động chưa đúng với bổn phận làm mẹ, làm vợ, bà cũng đã viết bản cam kết thừa nhận để mong ông T bỏ qua nhưng ông T không tha thứ. Tuy nhiên, do tuổi đã cao nên bà không nhất trí ly hôn mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Bà H xác định vợ chồng không có con chung nên bà cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Bà H xác định trong quá trình Tòa án giải quyết, bà đã đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung cho vợ chồng là ngôi nhà vợ chồng xây trên đất của ông T và buộc ông T phải chịu trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền bà đã bỏ ra để cho con ông T ăn học là 100 triệu đồng. Tòa án đã giải thích quyền yêu cầu của bà H, đã yêu cầu bà H cung cấp các tài liệu, chứng cứ và làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau đó bà H tự nguyện không yêu cầu ông T phải thanh toán số tiền bà đã bỏ ra để nuôi con ông T ăn học cũng như không yêu cầu phân chia tài sản chung là ngôi nhà nữa. Về nợ chung, công sức chung bà H xác định không có nên cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tranh tụng tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết cho ông được ly hôn bà H. Ông T cho rằng việc bà H muốn quay trở về đoàn tụ chỉ nhằm mục đích có cơ hội để đay đoạ, trả thù,

chia rẽ gia đình ông chứ không có mục đích vun vén hạnh phúc chung vì bản thân ông trong nhiều năm cũng đã tạo rất nhiều cơ hội để bà H khắc phục, hóa giải mâu thuẫn nhưng vẫn không đạt kết quả.

Về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức: Ông T xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Bị đơn bà H xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng bà không nhất trí ly hôn mà đề nghị Tòa án xem xét cho đoàn tụ. Trường hợp nếu ông T cương quyết xin ly hôn thì bà đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết, đồng thời phải phân chia tài sản chung cho bà những tài sản là vật dụng sinh hoạt trong gia đình mà bà đã bỏ tiền ra để tạo lập như quạt, tủ lạnh, giường...

Đại diện VKSND thành phố H phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện VKSND thành phố H về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí Tòa án, nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn T: Cho ly hôn giữa ông Hoàng Văn T và bà Lương Thị H.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Do các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp sau này các bên có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

- Về án phí: Ông Hoàng Văn T là người cao tuổi, đã có đơn đề nghị miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn cho ông T. Hoàn trả ông Hoàng Văn T toàn bộ số tiền ông T đã nộp tạm ứng án phí

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Hoàng Văn T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa ông với bà Lương Thị H. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H trình bày quan điểm yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung, đòi lại số tiền bỏ ra cho con ông T ăn học. Bà H đã được giải thích về quyền và nghĩa vụ của người yêu cầu theo quy định của pháp luật; Tòa án đã ra quyết định yêu cầu bà H cung cấp tài liệu, chứng cứ nhưng bà H đã không thực hiện cho đến trước thời điểm Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Mặt khác, tại buổi làm việc ngày 24/6/2021 bà H lại xác định không yêu cầu chia tài sản chung và không yêu cầu ông T thanh toán số tiền đã bỏ ra nuôi con ông T ăn học

và tại buổi hòa giải ngày 09/7/2021 bà H lại xác định vợ chồng không có tài sản chung. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố H không xem xét yêu cầu của bà H trong vụ án này là phù hợp theo quy định tại Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Hoàng Văn T và bà Lương Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký và được UBND phường Th, thành phố H, tỉnh H cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/5/2000. Quá trình chung sống, vợ chồng nảy sinh nhiều quan điểm bất đồng do kinh tế gặp nhiều khó khăn, ông bà không tìm được tiếng nói chung để giải quyết các trong cuộc sống, bà H thường nghi kỵ ông T không chung thủy nên có những lời nói và hành động không đúng mực. Cùng với nguyên nhân đó, cuộc sống chung giữa mẹ kế con chồng và con dâu có sự bất hòa, bản thân bà H còn nghi ngờ ông T có quan hệ không lành mạnh với con dâu. Từ đó mâu thuẫn của ông bà ngày càng trở lên trầm trọng mà không có biện pháp gì để cải thiện tình trạng mâu thuẫn. Từ đầu năm 2021, vợ chồng mâu thuẫn nên ông T đuổi, bà H phải thuê nhà ở riêng, bà đề nghị ông T tha thứ lỗi lầm để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông T dứt khoát không chấp nhận. Toàn bộ các nội dung trên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã được các bên đương sự thừa nhận, phù hợp với nội dung trường khu dân cư nơi ông bà cư trú cũng như con trai, con dâu ông T xác định. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông bà là có thật, thời gian mâu thuẫn diễn ra đã lâu nhưng các bên không có biện pháp và điều kiện để cải thiện, bản thân ông T cũng đã nhiều lần tạo điều kiện để bà H sửa đổi nhưng không đạt kết quả nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H không đạt được mục đích. Vì vậy, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn bà H là có căn cứ cần được chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Việc bà H mong muốn vợ chồng đoàn tụ để tìm biện pháp cải thiện tình trạng mâu thuẫn là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông T và bà H đều xác định không có con chung và đều không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Ông T xác định không có nên không yêu cầu giải quyết, tại phiên tòa bà H trình bày quan điểm nếu phải ly hôn thì phải xem xét phân chia tài sản chung là các vật dụng sinh hoạt trong gia đình mà bà đã bỏ tiền ra mua là không thể xem xét giải quyết trong vụ án này. Sau này, nếu bà H có yêu cầu về việc phân chia tài sản chung, công sức chung thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Ông Hoàng Văn T là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông T là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí do vậy miễn toàn bộ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn, đồng thời hoàn trả ông Hoàng Văn T toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông T và bị đơn bà H có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 200, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

XỬ:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Hoàng Văn T và bà Lương Thị H.
2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn cho ông Hoàng Văn T. Hoàn trả ông Hoàng Văn T số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) ông Hoàng Văn T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2018/0005214 ngày 13/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh H.
3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Hoàng Văn T và bị đơn bà Lương Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Dương;
- Chi cục THA DS TPHD;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND phường Th, TPHD
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP (HCTP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Hiền